

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 84/2024/HS-ST
Ngày 19 tháng 12 năm 2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chau Rót Tha, ông Sa Vu Thy.

Thư ký phiên toà: Ông Chau Chanh Đô Ra - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Thái Hòa - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 80/2024/TLST-HS ngày 21 tháng 11 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 89/2024/QĐXXST- HS ngày 04 tháng 12 năm 2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh ngày: 12/3/1976; tại huyện T, tỉnh An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Tứ Ân H; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1 (chết) và bà Phạm Thị T2 (chết); vợ: Huỳnh Thị H, có 02 con lớn sinh năm: 2009, nhỏ sinh năm: 2013. Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 25/11/2024 đến nay (có mặt).

Những người tham gia tố tụng:

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Trần Thị Cẩm S – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh A.

Bị hại: Ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: Tổ C, ấp V, xã L, huyện T, tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Phạm Văn D, sinh năm: 1973; địa chỉ cư trú: Ấp R, xã C, huyện T, tỉnh An Giang.

2. Bà Nguyễn Thị Thu V, sinh năm: 1982; địa chỉ cư trú: Khóm T, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang.

Người làm chứng: Huỳnh Văn C, Ngô Văn H1, Huỳnh Văn Đ1.

(Tại phiên tòa có mặt các ông bà S, những người còn lại vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 28/3/2024, trong lúc uống bia tại trước nhà của ông Phạm Văn D, ngụ ấp R, xã C, huyện T cùng với Huỳnh Văn C (thầu xây nhà), Nguyễn Văn Đ2, Ngô Văn H1 (bạn làm hồ) thì T cự cãi với Đ2 về việc làm hồ xong mà không vệ sinh thùng nhựa. Trong lúc cãi nhau, Đ2 có lời lẽ thách thức “*dám chém không*” và khom đầu về phía T, tức giận T dùng tay phải chụp lấy 01 cây dao bằng kim loại dài 32 cm (cán dài 12 cm, lưỡi dài 20 cm) tại móng nhà của D chém 02 nhát từ trên xuống vào vùng đầu và má trái của Đ2 gây thương tích, thì được C và H1 can ngăn, T cầm dao bỏ chạy trốn, còn Đ2 sau khi bị chém, Đ2 cầm 01 viên gạch ống đập nhiều cái vào xe mô tô 67F7 - 0660 của T đang dựng phía sau nhà của ông D gây hư hỏng nhiều bộ phận trên xe, rồi được mọi người đưa đi Trung tâm Y tế huyện T điều trị, sau đó chuyển đến Bệnh viện Đ3, đến ngày 29/3/2024 ra viện và trình báo Công an xã C.

Vật chứng thu giữ: 01 cây dao dài 32 cm (cán dao bằng kim loại màu đen dài 12 cm, lưỡi dao kim loại màu trắng dài 20 cm); 01 viên gạch (loại gạch ống, màu cam) kích thước (17 x 7 x 7,5) cm, trọng lượng 01 kg; 01 mảnh vỡ màu đen kích thước (24,4 x 13) cm; 01 xe mô tô biển số 67F7 - 0660, hiệu GUIDA, màu đen, số máy 99307221, số khung 99113103. (xe đã giao trả cho bị can T)

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 305/24/KLTTCT-TTPY ngày 10/5/2024 của Trung tâm Pháp y Sở Y tế tỉnh A, ghi nhận: Sẹo dính thái dương trái nằm xiên kích thước (07 x 0,2) cm, là sẹo kích thước trung bình tỷ lệ 02%. Gây mẻ bản sọ ngoài xương sọ vùng đỉnh trái, điều trị bảo tồn tỷ lệ 07 %. Tỷ lệ là 09 %. Do vật sắc gây nên; Sẹo từ thái dương trái đến má - cạnh hàm trái, nằm xiên kích thước (11 x 0,1) cm, là sẹo có kích thước trung bình tỷ lệ 06 %. Do vật sắc gây nên. Kết luận: Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của Nguyễn Minh Đ là 14 %.

Tại Kết luận định giá tài sản số 23/KL-HĐĐG.TTHS ngày 02/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T. Kết luận xe mô tô 67F7 - 0660, hiệu GUIDA, loại Dream màu đen, bị hư hỏng: Ốp nhựa thân xe bên phải giá 500.000 đồng; Ốp nhựa đèn chiếu sáng phía trước giá 90.000 đồng; Gác chân sau bên trái giá 50.000 đồng; Nắp chụp buri giá 30.000 đồng. Tổng giá trị 670.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Minh Đ đã nhận tiền do bị cáo bồi thường 3.000.000 đồng và không yêu cầu gì thêm, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại Cáo trạng số 81/CT-VKSTT- HS ngày 20 tháng 11 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trĩ Tôn, tỉnh An Giang đã truy tố Nguyễn Minh T3 về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Tại Cơ quan điều tra và phiên tòa bị cáo T3 khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng.

Những người liên quan, người làm chứng **vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra** đã khai nhận phù hợp với toàn bộ nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố.

Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp

dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; các Điều 38, 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Về vật chứng, đề nghị áp dụng các Điều 46, 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuyên: Tịch thu tiêu hủy 01 cây dao dài 32 cm; 01 viên gạch, kích thước (17 x 7 x 7,5) cm và 01 mảnh vỡ màu đen kích thước (24,4 x 13) cm.

Về trách nhiệm dân sự, các bên đã thỏa thuận bồi thường xong, không yêu cầu gì khác, nên không đề cập xem xét giải quyết.

Quan điểm người bào chữa cho bị cáo: Thống nhất với tội danh, khung hình phạt cũng như các tình tiết giảm nhẹ mà Kiểm sát viên đã đề nghị áp dụng đối với bị cáo, nhưng đề nghị HĐXX có xem xét thêm đến nhân thân của bị cáo là chấp hành tốt chủ trương, chính sách pháp luật tại địa phương, gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo, bị cáo là lao động chính nuôi 02 con nhỏ, đã bồi thường cho bị hại tổng cộng 7.000.000 đồng, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, nên đề nghị HĐXX áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất như Kiểm sát viên đề nghị.

Đôi đáp của Kiểm sát viên không đôi đáp, giữ nguyên quan điểm.

Lời nói sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

- Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Phạm Văn D, Nguyễn Thị Thu V, những người làm chứng: Huỳnh Văn C, Ngô Văn H1, Huỳnh Văn Đ1 vắng mặt, mặc dù Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ. Xét thấy, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại gì đến việc xét xử của vụ án. Căn cứ các Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 15 giờ ngày 28/3/2024, trong lúc uống bia tại trước nhà của ông Phạm Văn D, thì bị cáo có cãi nhau với Đ; Đ có lời lẽ thách thức thì bị cáo tức giận dùng dao chém vào vùng đầu và má trái của Đ gây thương tích, rồi bỏ trốn.

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, HĐXX nhận thấy:

Bị cáo T là người có vợ, con; lẽ ra, bị cáo cần bình tĩnh tìm cách xử lý thích hợp để tránh hậu quả đáng tiếc xảy ra, nhưng bị cáo không làm được điều đó mà chỉ tức thời nghe lời thách thức của anh Đ thì bị cáo lập tức dùng dao gây thương tích cho anh Đ không chỉ 01 nhát mà cả 02 nhát vào đầu và má phải của anh Đ với tổng tỷ lệ thương tật là 14%. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện rõ bản tính hung hãn, xem thường pháp luật, thỏa mãn dấu hiệu khách quan của tội: “ Gây thương tích” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự có khung hình phạt tù từ 02 năm đến 06 năm (tội phạm nghiêm trọng), như cáo trạng Viện kiểm sát truy tố.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, chẳng những xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của anh Đ mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, việc buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù cách ly khỏi xã hội là cần thiết, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn một thời gian mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho xã hội. Tuy nhiên, mức hình phạt tù có thời hạn mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là chưa tương xứng với tính chất mức độ phạm tội mà bị cáo đã gây ra, đề nghị này HĐXX có căn nhắc khi lượng hình.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, trong thời gian tạm giam bị cáo không vi phạm nào khác, chứng tỏ các bị cáo có ăn năn hối cải; bị cáo có con nhỏ là lao động chính trong gia đình, bị cáo bồi thường thiệt hại cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo..... Đó là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Đối với quan điểm của người bào chữa cho bị cáo, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo mức thấp nhất của Kiểm sát viên đề nghị là 01 năm tù chưa đủ sức răn đe, nên HĐXX không chấp nhận.

Đối với Nguyễn Minh Đ có hành vi cầm viên gạch ông đập gây hư hỏng các bộ phận trên xe mô tô 67F7-0660 (tổng giá trị 670.000 đồng) của bị cáo T, giá trị tài sản bị thiệt hại chưa đủ định lượng, Đề chưa có tiền án, tiền sự nên Cơ quan điều tra không khởi tố là có căn cứ.

[4]. Về vật chứng: Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp pháp luật, bởi: 01 cây dao dài 32 cm; 01 viên gạch, kích thước (17 x 7 x 7,5) cm và 01 mảnh vỡ màu đen kích thước (24,4 x 13) cm là vật dùng vào việc phạm tội và không có giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo, bị hại không yêu cầu gì khác, nên HĐXX không đề cập xem xét giải quyết.

[6]. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 02 năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/11/2024.

Căn cứ các Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tịch thu tiêu hủy: 01 cây dao dài 32 cm; 01 viên gạch, kích thước (17 x 7 x 7,5) cm và 01 mảnh vỡ màu đen kích thước (24,4 x 13) cm (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/11/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T và Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn).

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo và các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19/12/2024), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận

- TA tỉnh (01);
- VKS huyện Tri Tôn (02);
- Sở Tư pháp An Giang (01);
- Cơ quan THAHS, HTTP (02);
- Phòng hồ sơ (01);
- Chi [cục](#) THADS Tri Tôn (01);
- Bộ phận THAHS.TA (01);
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

Lê Văn Huệ